CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
DN: C=VN, S=Hà Nội, L=Huyện Sóc Sơn, O=CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100108254
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.11.03 14:41:37+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0

CH VỤ HÀNG KHÔNG
T VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

/NASCO-CBTT

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:
- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao Dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Việt Nam (NASCO);

Trụ sở chính: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội;

Điện thoại: 024. 38840085; Fax: 024. 38865555

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Bùi Đức Thanh

Địa chỉ: Số nhà 481/30 đường Nguyễn Văn Khối, khu phố 15, phường Thông Tây Hội, TP. HCM

Điện thoại (di động, cơ quan, fax):

Di động: 0939.968.888

Loại công bố thông tin: Bất thường 24h

Nội dung công bố thông tin: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Việt Nam công bố thông tin về việc ký kết, thực hiện Hợp đồng cung ứng dịch vụ Phòng khách Thương gia với Người có liên quan của Công ty - Công ty Cổ phần Tin học - Viễn thông Hàng không (AITS).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của NASCO vào ngày 03/11/2026 tại website http://nasco.com.vn/quan-he-voi-nha-dau-tu.html.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Người công bố thông tin
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY VIỆT NAM

Bùi Đức Thanh

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, BTK

CÔNG TY CP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 175 /NQ-NASCO/HĐQT	*Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Về việc Chấp thuận ký kết, thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ Phòng khách Thương gia với Công ty Cổ phần Tin học - Viễn thông Hàng không (AITS) - Người có liên quan của Công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Việt Nam;

Căn cứ Tờ trình số 2621/TTr-KD&CĐS ngày 27/10/2026 của Tổng Giám đốc v/v Đề nghị HĐQT chấp thuận việc ký kết, thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ Phòng khách Thương gia với Công ty Cổ phần Tin học - Viễn thông Hàng không (AITS) - Người có liên quan của Công ty;

Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến số 174 /BB-NASCO/HĐQT ngày 03 /11/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Việt Nam.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Chấp thuận việc ký kết, thực hiện Hợp đồng, giao dịch cung cấp dịch vụ Phòng khách thương gia với Công ty Cổ phần Tin học - Viễn thông Hàng không (AITS) - là Người có liên quan của Công ty theo nội dung Tờ trình số 2621/TTr-KD&CĐS ngày 27/10/2026 của Tổng Giám đốc.

Điều 2. Giao Tổng giám đốc tổ chức ký kết và triển khai thực hiện Hợp đồng tại Điều 1 theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty; chịu trách nhiệm về việc tổ chức thực hiện hợp đồng nêu trên.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- *HĐQT, BKS;*
- *TCKT, KD&CĐS, TTDV;*
- *Lưu VT, BTK.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY VIỆT NAM

Lê Đức Cảnh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHÒNG KHÁCH THƯƠNG GIA
Số: /2026/NASCO-AITS

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15; Nghị định số 356/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; các quy định pháp luật về hóa đơn, chứng từ và các quy định pháp luật có liên quan;

- Căn cứ nhu cầu sử dụng dịch vụ của Bên A và khả năng cung cấp dịch vụ của Bên B;

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, chúng tôi gồm:

BÊN A *(Bên sử dụng dịch vụ)*: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC - VIỄN THÔNG HÀNG KHÔNG (AITS)

Địa chỉ : Số 412 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : (+84) 24 62 52 6555
Số tài khoản : 2368 2388 501
Mở tại : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm
Mã số thuế : 01 030 195 24
Đại diện : Ông Nguyễn Tuấn Anh
Chức vụ : Tổng Giám đốc

Sau đây gọi là "Bên A".

BÊN B *(Bên cung cấp dịch vụ)*: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY VIỆT NAM (NASCO)

Địa chỉ : Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội
Điện thoại : (024) 3 884 0668
Số tài khoản : 119000003231
Mở tại : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh
Mã số thuế : 0100108254
Đại diện : Ông Bùi Đức Thanh
Chức vụ : Tổng Giám đốc

Sau đây gọi là "Bên B".

Bên A và Bên B sau đây gọi riêng là "Bên", gọi chung là "Hai Bên".

Sau khi trao đổi, Hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ phòng khách thương gia ("Hợp đồng") với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ:

1. Dịch vụ phòng khách thương gia là dịch vụ cho phép hành khách đủ điều kiện sử dụng phòng khách thương gia/phòng chờ tại sân bay do Bên B quản lý, khai thác hoặc cung cấp theo Hợp đồng này.

2. Tài khoản đại lý online là tài khoản do Bên B cấp cho Bên A để Bên A đăng nhập vào hệ thống của Bên B và thực hiện việc xuất/đặt dịch vụ phòng khách thương gia cho khách hàng của Bên A.

3. Giao dịch online là giao dịch được thực hiện thông qua tài khoản đại lý online của Bên A trên hệ thống của Bên B.

4. Voucher điện tử là chứng từ điện tử do Bên B phát hành, xác nhận quyền sử dụng dịch vụ của người sở hữu theo điều kiện quy định tại Hợp đồng và/hoặc trên voucher. Voucher điện tử là voucher không định danh, có thời hạn 01 năm kể từ ngày xuất từ hệ thống.

5. Ngày làm việc là các ngày từ thứ hai đến thứ sáu, không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết theo quy định pháp luật Việt Nam.

6. Lượt dịch vụ là quyền sử dụng phòng khách thương gia của 01 hành khách cho 01 lần sử dụng dịch vụ tại 01 phòng khách cụ thể theo điều kiện áp dụng của Bên B.

ĐIỀU 2. PHẠM VI, ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ:

2.1. Phạm vi:

- Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ phòng khách thương gia theo nhu cầu phát sinh của Bên A tại các địa điểm sau:

TT	Sân bay	Phòng chờ	Địa điểm
1	Nội Bài	Phòng khách Bông Sen nội địa	Tầng 3, khu vực cách ly, Nhà ga T1, Cảng Hàng không Quốc tế (HKQT) Nội Bài
2	Nội Bài	Phòng khách Bông Sen quốc tế	Tầng 4, khu vực cách ly, Nhà ga T2, Cảng HKQT Nội Bài
3	Đà Nẵng	Phòng khách Bông Sen quốc tế	Khu vực cách ly quốc tế, Nhà ga T2 – Cảng HKQT Đà Nẵng
4	Phù Cát	Phòng khách Bông Sen nội địa	Tầng 2, khu vực cách ly, Cảng Hàng không Phù Cát
5	Cam Ranh	Phòng khách Bông Sen quốc tế	Tầng 2, khu vực cách ly quốc tế – Cảng HKQT Cam Ranh
6	Tân Sơn Nhất	Phòng khách Bông Sen Premier nội địa	Tầng 4, khu vực cách ly quốc nội đi, Nhà ga T3 – Cảng HKQT Tân Sơn Nhất

2.2. Đơn giá:

a. Đơn giá dịch vụ *(chưa bao gồm thuế VAT):*

TT	Phòng chờ	Đơn giá/lượt (VNĐ)	
		Người lớn	Trẻ em
1	Phòng khách Bông Sen nội địa, Cảng HKQT Nội Bài	**327.000**	**246.000**
2	Phòng khách Bông Sen quốc tế, Cảng HKQT Nội Bài	**581.000**	**436.000**
3	Phòng khách Bông Sen quốc tế, Cảng HKQT Đà Nẵng	**487.000**	**365.000**
4	Phòng khách Bông Sen nội địa, Cảng HK Phù Cát	**222.000**	**167.000**
5	Phòng khách Bông Sen quốc tế, Cảng HKQT Cam Ranh	**509.000**	**382.000**
6	Phòng khách Bông Sen Premier nội địa, Cảng HKQT Tân Sơn Nhất	**407.000**	**306.000**

- Thuế VAT sẽ được áp dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xuất hóa đơn

- Trong trường hợp có thay đổi về giá, Bên B phải gửi thông báo cho Bên A bằng văn bản trước tối thiểu 15 ngày để hai Bên ký kết Phụ lục hợp đồng điều chỉnh.

b. Điều kiện áp dụng:

- Thời gian sử dụng dịch vụ: Hành khách được phục vụ và sử dụng các dịch vụ tại các Phòng khách Bông Sen nội địa và Phòng khách Bông Sen quốc tế trong khoảng thời gian tối đa 03 (ba) giờ.

- Trẻ em từ 02 tuổi đến 12 tuổi, áp dụng đơn giá trẻ em, từ trên 12 tuổi áp dụng đơn giá người lớn. Căn cứ xác định độ tuổi: hộ chiếu, CCCD, giấy khai sinh hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ được xuất trình tại quầy lễ tân phòng khách thương gia của Bên B.

- Trẻ em dưới 02 tuổi : Miễn thu phí dịch vụ Phòng khách đối với trẻ em thứ nhất đi kèm/1 hành khách, từ trẻ thứ 02 trở lên tính bằng đơn giá trẻ em.

- Đối với Phòng khách Bông Sen tại nhà ga Quốc tế, Cảng HKQT Đà Nẵng: chỉ áp dụng dịch vụ đối với khách đi trên các chuyến bay của Vietnam Airlines.

2.3. Phương thức cung cấp dịch vụ:

a. Bên B cấp 01 tài khoản đại lý online cho Bên A; Bên A chủ động đăng nhập hệ thống, thực hiện đặt/xuất dịch vụ cho hành khách của Bên A.

b. Quy trình nhận diện khách hàng:

- Tại các Phòng khách Bông Sen của NASCO, khách của Bên A xuất trình Thẻ mời QR-code và Thẻ lên máy bay/Boarding pass.

- Nhân viên lễ tân tiếp nhận, scan thẻ mời QR-code đồng thời nhập các thông tin của khách hàng vào hệ thống để ghi nhận thẻ mời đã được sử dụng.

c. Cuối mỗi tháng, Hai Bên thực hiện đối soát số lượng giao dịch hợp lệ phát sinh (Căn cứ vào số lượng trên hệ thống báo cáo của NASCO tại mục "Báo cáo sử dụng chi tiết") để xác định giá trị thanh toán.

ĐIỀU 3. THỎA THUẬN CHUNG

3.1. Cấp và quản lý tài khoản:

- Bên B cấp 01 tài khoản đại lý online cho đầu mối do Bên A chỉ định.

- Bên A chịu trách nhiệm quản lý và bảo mật thông tin đăng nhập của tài khoản.

- Bên A không được bán, cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng hoặc cung cấp tài khoản cho bên thứ ba sử dụng nếu chưa được Bên B chấp thuận bằng văn bản.

- Trường hợp Bên A phát hiện tài khoản có dấu hiệu bị truy cập trái phép, Bên A phải thông báo cho Bên B ngay khi phát hiện.

- Bên B có quyền tạm khóa tài khoản trong trường hợp phát hiện dấu hiệu sử dụng bất thường, gian lận, nguy cơ mất an toàn hệ thống hoặc vi phạm Hợp đồng. Trong trường hợp tạm khóa tài khoản, Bên B phải thông báo cho Bên A trong thời gian sớm nhất và phối hợp với Bên A để xác minh, xử lý.

- Bên A có trách nhiệm áp dụng các biện pháp bảo mật đối với tài khoản đại lý online theo yêu cầu kỹ thuật của Bên B (bao gồm nhưng không giới hạn xác thực đăng nhập, bảo mật mật khẩu) và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh cho Bên B từ việc để lộ, mất thông tin đăng nhập do lỗi của Bên A.

- Bên B có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu giao dịch (giao dịch xuất mã QR-code và giao dịch sử dụng tại Phòng khách) tối thiểu 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày phát sinh giao dịch và cung cấp dữ liệu cho Bên A khi có yêu cầu hợp lý để phục vụ đối soát, kiểm tra hoặc giải quyết khiếu nại.

- Ngoài hình thức cấp cho Bên A 01 tài khoản đại lý online để chủ động xuất QR-code điện tử sử dụng dịch vụ Phòng khách thương gia của Bên B. Tuỳ theo nhu cầu của Bên A, Bên B có thể cung cấp voucher giấy. Hai Bên sẽ thoả thuận riêng các nội dung (đơn giá, thanh toán, đối soát, phương thức cung cấp...) theo từng đơn đặt hàng cụ thể của Bên A.

3.2. Nguyên tắc ghi nhận và tính phí:

- Mỗi lượt dịch vụ được Bên A thực hiện đặt/xuất thành công trên hệ thống (không phải giao dịch lỗi, giao dịch trùng hoặc giao dịch bị hệ thống ghi nhận sai) được coi là một lượt dịch vụ hợp lệ và được tính phí theo đơn giá đã thỏa thuận.

- Mỗi giao dịch trên hệ thống phải có tối thiểu các thông tin: mã giao dịch, thời gian giao dịch, loại dịch vụ, phòng chờ, số lượng hành khách, trạng thái giao dịch, thông tin voucher hoặc mã xác nhận, thông tin tài khoản thực hiện giao dịch. Dữ liệu hệ thống của Bên B là căn cứ chính nhưng không phải duy nhất để đối soát và xác định nghĩa vụ thanh toán. Khi có tranh chấp, Hai Bên có trách nhiệm phối hợp kiểm tra. Trường hợp giao dịch bị lỗi nhưng Hệ thống vẫn ghi nhận hoặc trường hợp một giao dịch bị ghi nhận nhiều lần do lỗi Hệ thống, Bên A có quyền yêu cầu Bên B kiểm tra và loại giao dịch đó khỏi số lượng tính phí.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A:

4.1. Quyền của Bên A:

- Được Bên B cung cấp dịch vụ phòng khách thương gia đầy đủ, đúng chất lượng, đúng địa điểm theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng.

- Được cấp tài khoản đại lý online để chủ động đặt/xuất dịch vụ phòng khách thương gia cho khách hàng của mình.

- Được yêu cầu Bên B cung cấp dữ liệu giao dịch, phối hợp xác minh, xử lý sự cố, khắc phục lỗi hệ thống theo quy định tại Điều 3 và Điều 7 của Hợp đồng.

- Được quyền kiểm tra, đối soát và khiếu nại đối với các giao dịch có sai lệch theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng.

4.2. Nghĩa vụ của Bên A:

- Quản lý, bảo mật thông tin đăng nhập tài khoản đại lý online được cấp; chịu trách nhiệm đối với mọi giao dịch thực hiện qua tài khoản của mình, trừ trường hợp lỗi thuộc về Hệ thống của Bên B.

- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn giá trị dịch vụ phát sinh cho Bên B theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng.

- Cung cấp thông tin chính xác, hợp pháp phục vụ việc đặt/xuất dịch vụ, đối soát và xuất hóa đơn.

- Phối hợp với Bên B trong việc xác minh, xử lý sự cố, khiếu nại liên quan đến giao dịch, voucher điện tử và việc sử dụng tài khoản đại lý online.

- Thông báo cho hành khách về các điều kiện, quy định sử dụng dịch vụ phòng khách thương gia và chịu trách nhiệm bảo đảm hành khách của mình tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn, trật tự tại phòng khách thương gia do Bên B quản lý.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với dữ liệu hành khách mà Bên A thu thập, cung cấp cho Bên B để thực hiện Hợp đồng.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B:

5.1. Quyền của Bên B:

- Được nhận đầy đủ, đúng hạn giá trị dịch vụ theo Hợp đồng và được áp dụng lãi chậm trả theo quy định tại Điều 6.2 trong trường hợp Bên A chậm thanh toán.

- Được tạm khóa tài khoản đại lý online, tạm dừng cung cấp dịch vụ theo quy định tại Điều 3.1 và Điều 6.2 của Hợp đồng.

- Được kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài khoản đại lý online của Bên A nhằm phát hiện dấu hiệu gian lận, lạm dụng hoặc vi phạm Hợp đồng, và yêu cầu Bên A phối hợp cung cấp thông tin khi cần thiết.

- Được quyền từ chối phục vụ hành khách không đáp ứng điều kiện sử dụng dịch vụ theo quy định của Bên B, quy định nội bộ của cảng hàng không hoặc pháp luật, hoặc vì lý do an ninh, an toàn hàng không, mà không bị coi là vi phạm Hợp đồng.

5.2. Nghĩa vụ của Bên B:

- Cung cấp dịch vụ phòng khách thương gia đầy đủ, đúng địa điểm, đúng điều kiện đã thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng.

- Cấp và duy trì hoạt động bình thường của tài khoản đại lý online và hệ thống đặt/xuất dịch vụ cho Bên A; thông báo kịp thời cho Bên A khi hệ thống gặp sự cố.

- Thực hiện đối soát, xuất hóa đơn đúng thời hạn quy định tại Điều 7 của Hợp đồng.

- Bảo mật thông tin, dữ liệu giao dịch và dữ liệu cá nhân hành khách theo quy định tại Điều 11.1 của Hợp đồng và quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Thông báo kịp thời cho Bên A khi phát hiện sự cố hệ thống hoặc sự cố liên quan đến an toàn dữ liệu có khả năng ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ cho Bên A.

ĐIỀU 6. ĐỐI SOÁT VÀ THANH TOÁN

6.1. Đối soát:

- Vào ngày 26 đến 27 hàng tháng, Bên B gửi số liệu kỳ đối soát trong tháng cho Bên A theo kỳ đối soát quy định như sau:

+ Kỳ đối soát tháng N: Thời gian đối soát từ 26 tháng N-1 đến 25 tháng N, Bên A kiểm tra, phản hồi bằng văn bản/email trong 03 (ba) ngày làm việc. Riêng kỳ tháng 12 đối soát từ 26/11 đến 31/12, bên A kiểm tra phản hồi chậm nhất ngày 1 tháng kế tiếp. Quá thời hạn trên Bên A không có phản hồi, báo cáo đối soát được coi là đã được Bên A chấp thuận và là căn cứ để Bên B xuất hóa đơn.

- Trường hợp có sai lệch, Bên A phải gửi thông báo bằng văn bản/email cho Bên B, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin về giao dịch cần kiểm tra). Bên B có trách nhiệm kiểm tra và phản hồi trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ của Bên A.

- Đối với các giao dịch có tranh chấp và chưa xác định được kết quả, Bên A có quyền tạm thời không thanh toán phần giá trị đang tranh chấp cho đến khi Hai Bên thống nhất kết quả đối soát. Phần giá trị không tranh chấp vẫn được thanh toán đúng hạn. Quyền tạm thời không thanh toán theo khoản này chỉ áp dụng đối với phần giá trị giao dịch đã được Bên A nêu cụ thể bằng văn bản/email theo đúng thời hạn 05 (năm) ngày làm việc nêu trên; quá thời hạn đó mà Bên A không có ý kiến, Bên A được coi là đã chấp thuận toàn bộ báo cáo đối soát và mất quyền tạm hoãn thanh toán đối với các giao dịch liên quan. Trường hợp tranh chấp kéo dài quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Bên A thông báo mà Hai Bên chưa thống nhất được kết quả, mỗi Bên có quyền đưa vụ việc ra giải quyết theo quy định tại Điều 11.4 của Hợp đồng.

6.2. Thanh toán:

a. Sau khi hoàn tất đối soát và báo cáo đối soát có chữ ký xác nhận của đại diện được ủy quyền của Hai Bên, Bên B thực hiện xuất hóa đơn cho Bên A theo quy định pháp luật hiện hành và theo giá trị dịch vụ thực tế phát sinh. Trường hợp quá thời hạn phản hồi quy định tại Điều 6.1 mà Bên A không ký xác nhận và không có ý kiến bằng văn bản, báo cáo đối soát được xem là đã được Bên A chấp thuận và Bên B có quyền xuất hóa đơn trên cơ sở báo cáo đối soát đó.

b. Hình thức thanh toán:

- Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng do Bên B chỉ định tại Hợp đồng hoặc tài khoản khác do Bên B thông báo hợp lệ bằng văn bản.

- Mọi khoản phí chuyển khoản, phí ngân hàng hoặc chi phí thanh toán phát sinh từ phía Bên A do Bên A chịu, bảo đảm Bên B thực nhận đủ số tiền phải thanh toán theo hóa đơn.

c. Thời hạn thanh toán:

- Bên A có trách nhiệm thanh toán trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ và hóa đơn hợp lệ, trừ trường hợp Hai Bên có thỏa thuận khác.

- Nếu quá 10 (mười) ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, Bên A vẫn chưa thanh toán tiền sử dụng dịch vụ cho Bên B, Bên B sẽ dừng cung cấp dịch vụ đến khi Bên A hoàn tất thanh toán. Kể từ ngày quá hạn thanh toán đến ngày Bên A thanh toán đủ, Bên A phải trả thêm cho Bên B tiền lãi chậm trả trên số tiền chậm trả, tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại số 36/2005/QH11, trừ trường hợp việc chậm thanh toán là do lỗi của Bên B hoặc do sự kiện bất khả kháng quy định tại Điều 10 của Hợp đồng.

d. Bộ hồ sơ thanh toán: Bao gồm:

- Đề nghị thanh toán;
- Hóa đơn hợp lệ;
- Báo cáo đối soát giao dịch online;
- Các tài liệu khác theo thỏa thuận của Hai Bên.

6.3. Thông tin xuất hóa đơn:

- Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC - VIỄN THÔNG HÀNG KHÔNG (AITS)
- Địa chỉ: Số 412 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, Hà Nội, Việt Nam
- Mã số thuế: 01 030 195 24

6.4. Thông tin chuyển khoản:

- Tên người thụ hưởng: CÔNG TY CP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY VIỆT NAM
- Số tài khoản: 119000003231 - Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Đông Anh

ĐIỀU 7: XỬ LÝ BẤT THƯỜNG:

- Trường hợp voucher điện tử hợp lệ, chưa hết hạn và được sử dụng đúng quy định nhưng không được chấp nhận tại phòng chờ do lỗi của Bên B hoặc Hệ thống của Bên B, Bên B có trách nhiệm ngay lập tức:

+ Xác minh giao dịch với Bên A.

+ Kỹ thuật viên bên B sẽ hỗ trợ kích hoạt thẻ trên hệ thống nếu voucher là hợp lệ.

+ Khi hệ thống không xác thực được voucher, lễ tân Phòng khách ghi nhận thủ công (mã voucher, thông tin Thẻ lên máy bay) và phục vụ khách để làm căn cứ thanh toán hai Bên.

- Trường hợp hệ thống đại lý online của Bên B gặp sự cố dẫn đến việc Bên A không thể thực hiện giao dịch, Bên A liên hệ với đầu mối hỗ trợ của Bên B để yêu cầu hỗ trợ, xử lý sự cố hoặc cung cấp phương thức/xác nhận thay thế để Bên A không bị gián đoạn nhu cầu sử dụng dịch vụ.

- Với trường hợp lỗi do Bên A (xuất sai Phòng khách, sai đối tượng): Bên A chịu trách nhiệm với khách hàng, Bên B hỗ trợ trong khả năng.

- Trong trường hợp Phòng khách tạm ngừng hoặc hạn chế tiếp nhận khách do quá tải, sửa chữa, cải tạo hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên B thông báo cho Bên A và hướng dẫn khách sử dụng Phòng khách thay thế (nếu có).

- Trong trường hợp cần bảo trì, sửa chữa hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý cảng hàng không, Bên B có quyền tạm ngừng hoặc thay đổi địa điểm phục vụ quy định tại Điều 2.1, với điều kiện thông báo cho Bên A bằng văn bản trong thời gian hợp lý trước khi thực hiện; việc tạm ngừng/thay đổi này không bị coi là vi phạm Hợp đồng.

- Bên B có trách nhiệm xử lý sự cố kỹ thuật thuộc hệ thống của mình trong thời hạn hợp lý, tối đa không quá 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được thông báo, trừ trường hợp bất khả kháng. Trường hợp lỗi thuộc về Bên B gây thiệt hại thực tế cho Bên A, việc bồi thường thiệt hại được thực hiện theo quy định tại Điều 11.3.

ĐIỀU 8. THÔNG TIN LIÊN HỆ:

TT	Nội dung	Bên A	Bên B
1	Đối soát thanh toán	Họ và tên: Đinh Thu Hà Chức danh: Văn phòng Dịch vụ Hành chính SĐT: 0987209309 Email: hadt@aits.vn	Họ và tên: Lê Khiếu Phương Chức danh: Nhân viên nghiệp vụ SĐT: 0966714682 Email: phuonglk.dv@nasco.vn
2	Hỗ trợ kỹ thuật hệ thống	Hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến SĐT: 1900 98 98 66 Email: helpdesk@aits.vn	Họ và tên: Nguyễn Quang Minh Chức danh: Chuyên viên SĐT: 0962060455 Email: minhnq.kd@nasco.vn
3	Hợp đồng	Bộ phận Quản lý Hợp đồng Phòng Kế hoạch đầu tư SĐT: 1900989866/ 02462526555 (Ext: 9535) Email: qlhd@aits.vn	Họ và tên: Lương Thị Nguyên Chức danh: Chuyên viên SĐT: 0888545599 Email: nguyenlt.kh@nasco.vn

ĐIỀU 9: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG:

9.1. Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và có thời hạn 01 năm. Hợp đồng tự động gia hạn hàng năm nếu một trong hai Bên không có đề nghị khác bằng văn bản tối thiểu 30 (ba mươi) ngày trước ngày hết hạn.

9.2. Chấm dứt Hợp đồng: Hợp đồng này chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Hai bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng;

- Một trong hai Bên có thông báo chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản cho Bên còn lại trước ngày dự định chấm dứt 30 (ba mươi) ngày;

- Bên A chậm thanh toán quá 60 (sáu mươi) ngày so với thời hạn thanh toán quy định trong Hợp đồng. Trong trường hợp này khi Hợp đồng chấm dứt, Bên A phải thanh toán cho Bên B toàn bộ phí dịch vụ phát sinh đến thời điểm chấm dứt;

- Một trong hai Bên bị giải thể hoặc phá sản;

- Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức, không cần báo trước, bằng thông báo văn bản gửi Bên A, trong trường hợp Bên A: (i) chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn hoặc cung cấp tài khoản đại lý online cho bên thứ ba trái quy định tại Điều 3.1; (ii) có hành vi gian lận trong giao dịch được xác định rõ; hoặc (iii) vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ bảo mật gây rủi ro cho hệ thống của Bên B.

ĐIỀU 10: BẤT KHẢ KHÁNG:

- Bất khả kháng là sự kiện xảy ra khách quan, không thể lường trước và không thể khắc phục mặc dù Bên bị ảnh hưởng đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong khả năng của mình. Bao gồm nhưng không giới hạn: chiến tranh, bạo loạn, khủng bố, thiên tai; hỏa hoạn; lũ lụt; dịch bệnh; sự cố nghiêm trọng tại sân bay; quyết định hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các sự kiện khác đáp ứng điều kiện bất khả kháng theo pháp luật.

- Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên còn lại trong thời gian sớm nhất và không quá 03 (ba) ngày kể từ khi biết về sự kiện, trừ trường hợp việc thông báo không thể thực hiện do chính sự kiện bất khả kháng.

- Bên bị ảnh hưởng phải áp dụng các biện pháp hợp lý để hạn chế thiệt hại và khôi phục việc thực hiện Hợp đồng.

- Trong thời gian bất khả kháng, nghĩa vụ bị ảnh hưởng được tạm hoãn trong phạm vi và thời gian bị ảnh hưởng.

- Các nghĩa vụ thanh toán đã phát sinh trước thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng vẫn phải được thực hiện, trừ khi Hai Bên có thỏa thuận khác.

- Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài liên tục quá ba mươi (30) ngày và Hai Bên không thống nhất được phương án tiếp tục thực hiện Hợp đồng, mỗi Bên có quyền chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản mà không phải chịu phạt vi phạm.

- Đối với voucher/dịch vụ đã thanh toán nhưng chưa sử dụng và không thể sử dụng do sự kiện bất khả kháng, Hai Bên thống nhất phương án sử lý phù hợp với tình hình thực tế.

ĐIỀU 11: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:

11.1. Bảo mật thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân:

- Mỗi Bên có trách nhiệm bảo mật các thông tin, tài liệu, dữ liệu, hồ sơ, thông tin giao dịch và các thông tin khác của Bên còn lại mà mình được tiếp cận, cung cấp hoặc thu thập trong quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn ở thông tin kinh doanh, thông tin khách hàng, thông tin tài khoản, thông tin giao dịch, dữ liệu hệ thống, thông tin về giá và các thông tin được xác định là bảo mật.

- Thông tin bảo mật chỉ được sử dụng cho mục đích thực hiện Hợp đồng và không được cung cấp, tiết lộ, sao chép hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên có thông tin, trừ trường hợp việc cung cấp, tiết lộ được pháp luật hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

- Đối với dữ liệu cá nhân của hành khách mà Bên A thu thập, cung cấp cho Bên B để phục vụ việc đặt/xuất dịch vụ (họ tên, số hộ chiếu/CCCD, ngày sinh và các thông tin liên quan), Hai Bên có trách nhiệm tuân thủ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 và Nghị định số 356/2025/NĐ-CP, bao gồm việc xác định vai trò của mỗi Bên (Bên Kiểm soát dữ liệu, Bên Xử lý dữ liệu hoặc Bên thứ ba) đối với từng luồng dữ liệu cụ thể. Trường hợp phát hiện vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân liên quan đến dữ liệu được xử lý theo Hợp đồng này, Bên phát hiện có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên còn lại và phối hợp thực hiện nghĩa vụ thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn pháp luật quy định (hiện là 72 giờ kể từ khi phát hiện vi phạm).

11.2. Cam kết thực hiện Hợp đồng:

Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn và đúng các quyền, nghĩa vụ đã thỏa thuận tại Hợp đồng và các Phụ lục (nếu có). Mỗi Bên chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu do mình cung cấp và chịu trách nhiệm đối với các hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng và quy định của pháp luật.

11.3. Vi phạm Hợp đồng, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại:

- Trường hợp một Bên vi phạm một hoặc một số nghĩa vụ theo Hợp đồng và/hoặc Phụ lục, Bên bị vi phạm có quyền thông báo bằng văn bản yêu cầu Bên vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và/hoặc khắc phục hậu quả trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Hợp đồng có quy định thời hạn khác hoặc tính chất vi phạm cần được xử lý ngay.

- Hết thời hạn nêu trên mà Bên vi phạm không chấm dứt vi phạm hoặc không khắc phục hậu quả theo yêu cầu hợp lý của Bên bị vi phạm, Bên vi phạm chịu phạt 8% (8 phần trăm) giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

- Ngoài khoản phạt vi phạm, Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường cho Bên bị vi phạm các thiệt hại thực tế, trực tiếp phát sinh do hành vi vi phạm gây ra theo quy định của Hợp đồng và pháp luật, với điều kiện Bên bị vi phạm cung cấp được tài liệu, chứng từ hợp lý chứng minh thiệt hại và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại.

11.4. Giải quyết tranh chấp:

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp, Hai Bên trước hết có trách nhiệm thông báo cho nhau và thiện chí phối hợp giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác.

- Thời hạn thương lượng, hòa giải là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày một Bên thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại về tranh chấp, trừ trường hợp Hai Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

- Trường hợp hết thời hạn nêu trên mà tranh chấp không được giải quyết, một trong Hai Bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Phán quyết, bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án là cơ sở để Hai Bên thực hiện và có giá trị ràng buộc đối với Hai Bên. Án phí, lệ phí Tòa án và các chi phí tố tụng khác được thực hiện theo quyết định của Tòa án và quy định của pháp luật.

11.5. Giới hạn trách nhiệm:

- Tổng trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Bên B đối với Bên A phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, trong mọi trường hợp, không vượt quá tổng giá trị dịch vụ mà Bên A đã thanh toán cho Bên B trong 12 (mười hai) tháng liền trước thời điểm phát sinh thiệt hại, trừ trường hợp thiệt hại do lỗi cố ý hoặc do vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ bảo mật, bảo vệ dữ liệu cá nhân của Bên B.

- Không Bên nào phải chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại gián tiếp, thiệt hại hệ quả, mất lợi nhuận, mất doanh thu hoặc tổn hại uy tín phát sinh từ việc thực hiện hoặc không thực hiện Hợp đồng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

11.6. Chuyển nhượng hợp đồng:

- Không Bên nào được chuyển nhượng, chuyển giao toàn bộ hoặc một phần quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho bên thứ ba nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên còn lại.

11.7. Hiệu lực từng phần và toàn bộ thỏa thuận:

- Trường hợp một hoặc một số điều khoản của Hợp đồng bị cơ quan có thẩm quyền tuyên vô hiệu hoặc không thể thực hiện được, các điều khoản còn lại của Hợp đồng vẫn

giữ nguyên hiệu lực thi hành. Hai Bên có trách nhiệm thương lượng để thay thế điều khoản bị vô hiệu bằng điều khoản khác có hiệu lực pháp luật và phù hợp với mục đích ban đầu của Hợp đồng.

- Hợp đồng này, cùng với các Phụ lục (nếu có), thể hiện toàn bộ thỏa thuận giữa Hai Bên về đối tượng của Hợp đồng và thay thế mọi thỏa thuận, trao đổi trước đó giữa Hai Bên về cùng nội dung. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản và có chữ ký của đại diện hợp pháp của Hai Bên.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 03 (ba) bản làm căn cứ thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**